

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22/01/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 07/01/2025 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 17/01/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn H, xã Q (nay là xã L), thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn Ch ngày 04/7/2016 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Tr, Đ.

Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau khi vợ chồng chung sống một thời gian ngắn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 11/2024 thì trầm trọng do anh Ch đánh chị phải nằm viện điều trị 4 ngày. Sau khi ra viện, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân với

anh Ch từ đó đến nay. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh Ch.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn H1, sinh ngày 23/4/2017 và Phạm Kiều M, sinh ngày 15/12/2020. Hiện các cháu khoẻ mạnh và ở với anh Ch từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Ly hôn, chị xin nuôi cháu M, để anh Ch nuôi cháu H1. Hai bên cùng có quyền đi lại thăm nom con chung. Cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị toà án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản, nợ chung nên không đề nghị toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn Ch trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị H ngày 04/7/2016 tại UBND xã Đ, huyện T nay là UBND xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại Tr, Đ.

Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xô xát nên chị H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ để ở. Đến tháng 11/2024 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh đã gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Con chung: anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn H1, sinh ngày 23/4/2017 và Phạm Kiều M, sinh ngày 15/12/2020. Hiện các cháu khoẻ mạnh và ở với anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Ly hôn, anh xin nuôi cả 2 cháu. Cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị toà án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản, nợ chung nên không đề nghị toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành vì anh Ch vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Ch.

- Con chung: Chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Phạm Kiều M, sinh ngày 15/12/2020. Anh Phạm Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc con chung là Phạm Văn H1, sinh ngày 23/4/2017. Sau khi ly hôn, chị H, anh Ch cùng có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: không đặt ra giải quyết.
- Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại thôn Tr, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Phạm Văn Ch kết hôn ngày 04/7/2016, được UBND xã Đ, huyện T nay là UBND xã Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H và anh Ch phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được chị H xác định là bất đồng quan điểm sống, xô xát lẫn nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2024 đến nay, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị H xin ly hôn anh Ch. Anh Ch xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng nên anh xin đoàn tụ nhưng không có phương án đoàn tụ. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý. Tòa án tiến hành hoà giải nhưng anh Ch không có mặt để tham gia hoà giải.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Ch đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh Ch.

Con chung: Chị H và anh Ch cùng xác định vợ chồng có 02 con chung Phạm Văn H1, sinh ngày 23/4/2017 và Phạm Kiều M, sinh ngày 15/12/2020. Hiện 2 con khoẻ mạnh, đang ở cùng anh Ch. Chị H xin nuôi cháu M. Anh Ch có nguyện vọng nuôi cả 2 con. Tòa án lấy lời khai, cháu H1 có nguyện vọng ở với bố. Xét thấy, chị H và anh Ch có 02 con chung, tại phiên tòa chị H trình bày điều kiện nuôi con của chị H và anh Ch như nhau. Do vậy, cần giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng, cháu H1 cho anh Ch nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không đề nghị toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn Ch.

- Con chung: Chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Kiều M, sinh ngày 15/12/2020; anh Phạm Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Văn H1, sinh ngày 23/4/2017. Sau khi ly hôn, chị H, anh Ch cùng có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số BLTU/24/0001580 ngày 16/12/2024, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 BLTTDS: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
 - VKS và THADS thị xã T;
 - Những người tham gia tố tụng;
 - UBND xã Đ
- (KH số 51 ngày 04/7/2016)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Minh Nguyệt

